

LY HÔN ĐƠN PHƯƠNG KHI MỘT BÊN VỢ HOẶC CHỒNG KHÔNG CÓ NĂNG LỰC HÀNH VI DÂN SỰ ĐẦY ĐỦ

ĐẶNG LÊ PHƯƠNG UYÊN

Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh

Faculty of Civil Law, Ho Chi Minh City University of Law

Email: dlpuyen@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Khi một bên vợ hoặc chồng đơn phương ly hôn, thì người đó phải nhân danh chính mình tham gia vụ việc ly hôn và bên đưa ra yêu cầu cần chứng minh các điều kiện ly hôn theo luật định. Tuy nhiên trong trường hợp một bên trong quan hệ hôn nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và bên còn lại đang là đại diện theo pháp luật của vợ/chồng mà yêu cầu ly hôn thì vụ việc ly hôn sẽ trở nên phức tạp và cần có các căn cứ pháp lý cụ thể để làm điều kiện cho việc giải quyết ly hôn. Bài viết sẽ phân tích căn cứ đơn phương ly hôn trong trường hợp đặc biệt này cũng như hệ quả pháp lý phát sinh liên quan đến quan hệ đại diện giữa các chủ thể trong vụ việc ly hôn.

Từ khóa: đại diện theo pháp luật, ly hôn theo yêu cầu của một bên, năng lực hành vi dân sự

Abstract

When one spouse unilaterally divorces, that person must participate in the divorce case on his or her own behalf and provide evidence for the legal conditions for divorce. However, in the case where one spouse does not have full civil capacity and the other spouse is the legal representative of that person, and this representative requests a divorce. The divorce case will become complicated and specific legal grounds are needed as conditions for the Court to resolve the divorce. This article analyzes grounds for unilateral divorce in this special case as well as the legal consequences arising related to the representative relationship between the subjects during the divorce case.

Keywords: legal representative, divorce at the request of one spouse, capacity for civil acts

Ngày nhận bài: 13/04/2024

Ngày duyệt đăng: 17/6/2024

1. Ly hôn theo yêu cầu của bên vợ hoặc chồng là người đại diện cho người còn lại

Khi một bên vợ hoặc chồng bị tuyên mất năng lực hành vi (NLHV) dân sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, thì chồng/vợ của người này sẽ được ưu tiên xác định là người giám hộ – người đại diện theo pháp luật,¹ trừ trường hợp lựa chọn giám hộ trong tương lai theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015. Giả định vợ hoặc chồng bị tuyên hạn chế NLHV dân sự thì người còn lại được chỉ định là đại diện là điều hợp lý và đoạn 1 khoản 3 Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình (HNGĐ)

¹ Thật ra, theo quy định của BLDS năm 2015, không phải lúc nào người giám hộ của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi cũng là người đại diện theo pháp luật của người này mà cần Tòa án xác định người giám hộ có quyền, nghĩa vụ thực hiện vai trò đại diện. Khoản 2 Điều 136 Bộ luật này cũng ghi nhận rõ “người giám hộ của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người đại diện theo pháp luật nếu được Tòa án chỉ định”. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy không phải vụ việc nào Tòa án cũng xác định cụ thể phạm vi quyền và nghĩa vụ giám hộ của người giám hộ cho người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi. Ngược lại, rất nhiều bản án tuyên người giám hộ cho người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi có các quyền, nghĩa vụ theo Điều 57, Điều 58 và Điều 59 BLDS năm 2015, nghĩa là giống như người giám hộ cho người mất NLHV dân sự, bao gồm việc đại diện theo pháp luật.

năm 2014 thừa nhận rằng nhà làm luật khuyến khích Thẩm phán chỉ định vợ, chồng làm người đại diện trong trường hợp bên kia bị hạn chế NLHV dân sự.² Đoạn 2 khoản 3 Điều 24 Luật HNGĐ năm 2014 quy định về trách nhiệm đại diện theo pháp luật cho vợ hoặc chồng của mình nhưng không có nội dung ngăn cản người đại diện đưa ra yêu cầu ly hôn. Do đó, có thể nói đoạn 2 khoản 3 Điều 24 Luật HNGĐ năm 2014 gián tiếp thừa nhận người đại diện (là một bên vợ hoặc chồng) của người còn lại (là người đang bị tuyên mất NLHV dân sự có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi) có thể đưa ra yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Câu hỏi đặt ra là quy định trên được hiểu theo hướng nào: (i) hướng yêu cầu ly hôn mặc nhiên được chấp nhận và việc thay đổi người đại diện chỉ nhằm bảo vệ các quyền lợi về nhân thân, tài sản cho bên yếu thế về NLHV dân sự; (ii) hay hướng người đại diện theo pháp luật vẫn phải chứng minh các điều kiện đơn phương ly hôn theo quy định của luật để được Tòa án chấp nhận cho ly hôn? Bên cạnh đó, cũng cần làm rõ sự thay đổi về chủ thể trong quan hệ đại diện khi giải quyết việc ly hôn.

1.1. Điều kiện ly hôn theo yêu cầu của bên vợ hoặc chồng là người đại diện cho người còn lại

Trong những tình huống thông thường, “khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.³ Nói cách khác, việc đơn phương ly hôn cần thỏa mãn điều kiện luật định, chỉ có trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn và “Thẩm phán phải tuyên bố cho ly hôn chỉ trên cơ sở đương sự xuất trình quyết định tuyên bố mất tích đối với vợ hoặc chồng của mình mà không cần xem xét thêm các yếu tố khác”.⁴

Nếu vợ, chồng là người bị hạn chế NLHV dân sự thì có thể chứng minh người này vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

2 Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình – Quan hệ tài sản vợ chồng, thừa kế (Tập 2)*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021, tr. 152.

3 Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

4 Nguyễn Ngọc Điện, *Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2010, tr. 110. Xem thêm điểm b.2 Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000: “Người vợ hoặc người chồng đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan. Sau khi bản án của Tòa án tuyên bố người vợ hoặc người chồng mất tích đã có hiệu lực pháp luật thì người chồng hoặc người vợ của người đó có yêu cầu xin ly hôn với người đó. Trong trường hợp này Tòa án giải quyết cho ly hôn.” Văn bản trên mặc dù đã hết hiệu lực pháp luật nhưng có thể thấy các nhà làm luật theo hướng cho phép ly hôn đương nhiên khi một bên đã bị tuyên bố mất tích. Hiện nay, Luật HNGĐ năm 2014 cũng không yêu cầu bất cứ điều kiện gì kèm theo để được ly hôn trong trường hợp này.

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Dẫu sao, nguyên nhân dẫn đến tình trạng bị hạn chế NLHV dân sự là “nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình”, mà “tài sản gia đình mà điều luật nói đến là tài sản chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân và do đó, tình trạng hạn chế NLHV dân sự không có điều kiện thực tế để được áp dụng đối với người chưa thành niên và cả đối với người đã thành niên mà không có vợ hoặc chồng”.⁵ Hành vi bán hay trao đổi không ngang giá tài sản của gia đình nhằm thỏa mãn cơn nghiện của vợ, chồng mà không có sự đồng ý của bên còn lại rõ ràng là dấu hiệu cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng chế độ tài sản của vợ chồng. Khi chứng minh được vì vậy mà hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì bên còn lại có thể đơn phương ly hôn dù đang là đại diện theo pháp luật của người này.

Đối với trường hợp vợ, chồng mất NLHV dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, việc có hay không hành vi bạo lực gia đình, hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân không thể tiếp tục sẽ được chứng minh dựa trên tình hình thực tế. Theo giải thích tại khoản 1 Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022, “bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”. Có thể thấy, một trong những điều kiện để hành vi gây tổn hại cho thành viên gia đình bị xem là “bạo lực gia đình” là hành vi mang tính “cố ý”, nghĩa là người thực hiện hành vi nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại cho người khác mà vẫn thực hiện và mong muốn hoặc tuy không mong muốn nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra.⁶ Trong khi đó, người mất NLHV dân sự không thể nhận thức, làm chủ được hành vi nên không còn khả năng “cố ý” thực hiện bất kỳ hành vi gì. Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi không hoàn toàn tỉnh táo trong mọi thời điểm, khiếm khuyết về thể chất hoặc tinh thần khiến họ không phải lúc nào cũng có thể tự chủ hành vi của mình. Do đó, không dễ để chứng minh hành vi gây tổn hại cho thành viên khác trong gia đình được thực hiện ở thời điểm người này sáng suốt, làm chủ được bản thân. Như vậy, căn cứ một bên có hành vi bạo lực gia đình để bên còn lại được đơn phương ly hôn không phổ biến trong trường hợp vợ, chồng mất NLHV dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Bên cạnh hành vi bạo lực gia đình, pháp luật HNGĐ còn thừa nhận những hành vi khác có tính chất vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

5 Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Dân sự (Tập 1)*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2016, tr. 71.

6 Điều 364 BLDS năm 2015.

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, vi phạm đến mức nào bị xem là nghiêm trọng thì chưa có hướng dẫn cụ thể, cũng không cho biết ý chí của người thực hiện hành vi có là một trong những điều kiện bắt buộc hay không. Có ý kiến cho rằng, “xét về ý thức chủ quan, họ đã cố ý lựa chọn cho mình cách xử sự, cách hành động không đúng với vai trò, trách nhiệm của một người chồng hoặc người vợ và do đó, đã làm tổn thương nghiêm trọng đến đời sống tình cảm của vợ chồng”.⁷ Đường như theo quan điểm này, hành vi vi phạm nói trên phải được thực hiện theo ý chí và lý trí của con người.

Dưới góc độ y học, khi cảm xúc, suy nghĩ, hoặc hành vi của người bị bệnh về nhận thức rất bất thường hoặc rối loạn, người này có thể bị đánh giá là mối đe dọa đối với người khác, thể hiện qua việc tích cực bạo lực (chẳng hạn, chủ động hành hung nhân viên y tế, ném và đập phá đồ đạc); có vẻ hiếu chiến và thù địch (nghĩa là có khả năng bạo lực); không tỏ ra đe dọa giám định viên và các nhân viên nhưng thể hiện ý định làm hại người khác (ví dụ như vợ/chồng, hàng xóm, người của công chúng).⁸ Nguyên nhân phổ biến dẫn đến sự gây hấn, bạo lực là loạn thần và người thực hiện hành vi thường có những chẩn đoán như rối loạn chất, tâm thần phân liệt, rối loạn loạn thần cấp, rối loạn hoang tưởng, hưng cảm cấp tính, rối loạn thực thể gây mê sáng cấp tính, mất trí nhớ và ngộ độc rượu hoặc các chất khác, đặc biệt là methamphetamine, cocaine, và đôi khi là phencyclidine (PCP) và ma túy câu lạc bộ (ví dụ, MDMA [3,4-metylenedioxymethamphetamine]).⁹ Tình trạng này hoàn toàn phù hợp với nguyên nhân dẫn đến vợ, chồng mất NLHV dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Thực tế cho thấy, không hiếm trường hợp người bị bệnh tâm thần, thậm chí là đã bị tuyên mất NLHV dân sự có hành vi gây nguy hiểm cho cộng đồng vẫn phát sinh trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, nghĩa là pháp luật thừa nhận sự vi phạm ngay cả khi hành vi được thực hiện một cách vô thức và người thực hiện hành vi không có lỗi. Một quan điểm cho rằng căn cứ ly hôn theo quy định của Luật HNGĐ không căn cứ vào yếu tố lỗi mà dựa vào thực trạng đời sống vợ chồng, việc thực hiện các nghĩa vụ và quyền của các chủ thể và khả năng duy trì hôn nhân”.¹⁰ Tác giả cũng đồng quan điểm và cho rằng, nếu những hành vi trên dẫn đến hệ quả hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì được xem là đáp ứng điều kiện tại khoản 1 Điều

7 Học viện Tư pháp, *Giáo trình Kỹ năng chuyên sâu của Luật sư trong việc giải quyết các vụ án dân sự*, Nxb. Tư pháp, 2021, tr. 462-463.

8 Michael B. First, “Các trường hợp cấp cứu về hành vi”, *MSD*, <https://www.msmanuals.com/vi-vn/professional/rối-loạn-tâm-thần/tiếp-cận-bệnh-nhân-với-các-triệu-chứng-tâm-thần/dánh-giá-tâm-thần-hàng-ngày>, truy cập ngày 20/6/2024.

9 Michael B. First, *tlđđ*.

10 Nguyễn Văn Tiến, Lê Vinh Châu, Trần Thị Hương, *Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam – 130 câu hỏi và tình huống, Văn bản pháp luật áp dụng*, TP. Hồ Chí Minh, 2005, tr. 76.

56 Luật HNGĐ năm 2014 và Tòa án giải quyết cho ly hôn, mặc dù bên bị kiện không có lỗi do khả năng nhận thức, làm chủ hành vi không đầy đủ.

Suy cho cùng, “ly hôn chỉ là việc xác nhận một sự kiện – đó là cuộc hôn nhân đã chết, sự tồn tại của nó chỉ là bề ngoài và lừa dối” và đương nhiên không phải ý chí của nhà lập pháp, cũng không phải sự tùy tiện của các cá nhân, mà chỉ bản chất của sự kiện mới quyết định được cuộc hôn nhân này đã “chết” hay chưa.¹¹ Sự kiện một bên bị bệnh dẫn đến mất NLHV dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và căn bệnh khiến họ gây nguy hại nghiêm trọng cho người xung quanh, bao gồm vợ, chồng của mình đến mức hôn nhân trầm trọng, thậm chí là tan vỡ, thì bên còn lại có quyền đơn phương ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Thậm chí, “một bên không nhận thức được hành vi của mình mà Thẩm phán tiếp nhận đơn xin ly hôn của bên kia thì phải tiến hành ngay thủ tục xét xử chứ không thể hòa giải”.¹²

1.2. Hệ quả pháp lý về quan hệ đại diện khi ly hôn theo yêu cầu của vợ, chồng là người đại diện

1.2.1. Thay đổi người đại diện để giải quyết việc ly hôn

Khoản 3 Điều 24 Luật HNGĐ năm 2014 đã hướng dẫn trường hợp một bên vợ, chồng mất NLHV dân sự mà bên kia có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì căn cứ vào quy định về giám hộ trong BLDS, Tòa án chỉ định người khác đại diện cho người bị mất NLHV dân sự để giải quyết việc ly hôn. Tuy nhiên, khi ly hôn mà một bên là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người bị hạn chế NLHV dân sự thì pháp luật chưa điều chỉnh cụ thể.

Thứ nhất, đối với người bị hạn chế NLHV dân sự, người đại diện theo pháp luật của người bị hạn chế NLHV dân sự chủ yếu can thiệp các quan hệ tài sản của người này để đảm bảo người bị hạn chế NLHV dân sự không thực hiện giao dịch gây thiệt hại cho khối tài sản chung của gia đình. Ngoài phạm vi này, người bị hạn chế NLHV dân sự vẫn có thể tự mình ly hôn với chính vợ/chồng của mình vì trong vụ việc ly hôn không có ai là đại diện theo pháp luật cho bên còn lại. Hơn nữa, NLHV dân sự của họ bị hạn chế một phần nhằm ngăn cản họ thực hiện giao dịch bất lợi cho gia đình, qua đó bảo toàn tài sản gia đình và bảo vệ quyền lợi của các thành viên, thực tế thì khả năng nhận thức, làm chủ hành vi của những người này không bị tổn hại quá nhiều. Pháp luật tố tụng dân sự (TTDS) thừa nhận người bị hạn chế NLHV dân sự không mất hoàn toàn NLHV TTDS mà NLHV TTDS của họ được xác định theo quyết định của Tòa án.¹³ Khoản 3 Điều 24 Luật HNGĐ năm

11 Đinh Thị Mai Phương, *Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004, tr. 446-447.

12 Nguyễn Ngọc Điện, *Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, Tập 1 – Gia đình*, Nxb. Trẻ TP. Hồ Chí Minh, 2002, tr. 348.

13 Khoản 5 Điều 69 Bộ luật TTDS năm 2015.

2014 cũng khẳng định vợ hoặc chồng sẽ không đại diện cho người bị hạn chế NLHV dân sự trong trường hợp theo quy định của pháp luật thì người đó phải tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ có liên quan. Yêu cầu giải quyết ly hôn thuộc trường hợp người bị hạn chế NLHV dân sự phải tự mình thực hiện, do đó, không đặt ra vấn đề thay đổi người đại diện tại Tòa.

Thế nhưng, trong quá trình giải quyết ly hôn, có thể giữa các bên sẽ thỏa thuận phân chia tài sản cũng như các khoản nợ. Trong khi đó, khoản 2 Điều 24 BLDS năm 2015 quy định: “Việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự liên quan đến tài sản của người bị Tòa án tuyên bố hạn chế NLHV dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, trừ giao dịch nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày hoặc luật liên quan có quy định khác”. Chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng khi ly hôn chắc chắn không phải giao dịch phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày nên người bị hạn chế NLHV dân sự cần sự hỗ trợ của người đại diện. Nếu người đại diện chính là vợ, chồng của người này thì sẽ vi phạm nguyên tắc trong BLDS năm 2015 về phạm vi đại diện, theo đó, khoản 3 Điều 141 Bộ luật này cấm người đại diện nhân danh người được đại diện để xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với chính mình, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Vì vậy, cần thiết thay đổi người đại diện theo pháp luật để đảm bảo không vi phạm quy định về phạm vi đại diện, cũng như bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người được đại diện. Lưu ý là ngay cả khi người bị hạn chế NLHV dân sự đồng ý về việc người đại diện của mình giao dịch với chính mình thì cũng không chấp nhận, vì người được đại diện theo pháp luật là người không có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như làm chủ hành vi của mình và do đó không thể bày tỏ ý chí một cách hiệu quả về việc cho phép hay không cho phép người đại diện giao kết những giao dịch như thế.

Thứ hai, đối với người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, hiện nay Luật HNGĐ năm 2014 và các văn bản hướng dẫn không đề cập trường hợp đại diện cho vợ hoặc chồng khi một bên bị tuyên là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Lý do là chủ thể này mới được bổ sung vào BLDS năm 2015 nên những văn bản ban hành trước đó chưa cập nhật đầy đủ. Trong thực tiễn xét xử, đã có nhiều bản án áp dụng quy định của BLDS năm 2015 để xác định vợ hoặc chồng là người giám hộ cho bên còn lại khi chồng/vợ bị Tòa án tuyên là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Trong quyết định tuyên cá nhân là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, Tòa án không chỉ xác định người giám hộ mà còn quy định các quyền và nghĩa vụ cho người giám hộ trong số các quyền và nghĩa vụ của người giám hộ cho người mất NLHV dân sự, bao gồm việc người giám hộ có trở thành người đại diện theo pháp luật cho người được giám hộ hay không. Trường hợp trong các quyền, nghĩa vụ đại diện có việc

nhân danh và vì lợi ích của người được đại diện tham gia tố tụng tại Tòa thì cần thay đổi người đại diện khi giải quyết ly hôn tương tự trường hợp của người mất NLHV dân sự. Như vậy, việc bổ sung quy định về chủ thể được thay đổi người đại diện theo pháp luật do sự kiện ly hôn bao gồm người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi cần thiết. Điểm khác biệt so với trường hợp của người mất NLHV dân sự là việc thay đổi không mặc nhiên diễn ra mà cần đáp ứng điều kiện luật định.

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị bổ sung và làm rõ hướng dẫn tại đoạn thứ hai khoản 3 Điều 24 Luật HNGĐ năm 2014 như sau:

“Trong trường hợp một bên vợ hoặc chồng mất NLHV dân sự mà bên kia có yêu cầu giải quyết ly hôn thì căn cứ vào quy định về giám hộ trong BLDS, Tòa án chỉ định người khác đại diện cho người bị mất NLHV dân sự.

Trong trường hợp một bên vợ hoặc chồng có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được Tòa án chỉ định bên còn lại làm người giám hộ, thì khi người giám hộ đồng thời là người đại diện theo pháp luật thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự có yêu cầu giải quyết ly hôn, Tòa án căn cứ vào quy định về giám hộ trong BLDS để chỉ định người khác làm đại diện cho người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

Trong trường hợp một bên vợ hoặc chồng bị hạn chế NLHV dân sự mà bên kia có yêu cầu giải quyết ly hôn thì Tòa án chỉ định người khác làm đại diện cho người bị hạn chế NLHV dân sự trong các thỏa thuận chia tài sản.”

1.2.2. Chấm dứt quan hệ đại diện với bên yếu thế về năng lực hành vi dân sự

Phần trên cho thấy, trong phạm vi vụ việc ly hôn, vai trò đại diện của vợ hoặc chồng sẽ được thay thế bởi chủ thể khác. Nếu Tòa án xét thấy đủ căn cứ cho ly hôn, việc ly hôn không chỉ làm chấm dứt quan hệ vợ chồng mà còn chấm dứt quan hệ đại diện theo pháp luật giữa những chủ thể này.

Điều này là cần thiết vì khi vợ, chồng trở thành người giám hộ theo hình thức giám hộ đương nhiên thì chính quan hệ hôn nhân hợp pháp là căn cứ để một bên trở thành người giám hộ cho người chồng, người vợ mất NLHV dân sự. Ngay cả trường hợp giám hộ cho người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là giám hộ chỉ định của Tòa án thì theo khoản 4 Điều 54 BLDS năm 2015, Tòa án cũng ưu tiên chỉ định một trong số những người giám hộ quy định tại Điều 53 của Bộ luật này, mà danh sách người thân thích tại Điều 53 BLDS năm 2015 theo thứ tự là vợ/chồng, con, cha/mẹ. Đối với người bị hạn chế NLHV dân sự, vợ hoặc chồng của họ được Tòa án chỉ định trở thành người đại diện theo pháp luật cũng do Tòa án đánh giá cao mối quan hệ hôn nhân mật thiết. Như vậy, việc có quan hệ hôn nhân hợp pháp giữa vợ và chồng mới dẫn đến quan hệ đại diện theo pháp luật cho vợ hoặc chồng. Do đó, khi nam và nữ không còn là vợ chồng do ly hôn thì cần thiết chấm dứt quan hệ đại diện theo pháp luật.

Đây không phải cách giải quyết xa lạ trong pháp luật. Pháp luật dân sự đã có quy định theo hướng chấm dứt những công việc được giao cho một người do người này đang có quan hệ hôn nhân với người cần được trợ giúp nhưng nay quan hệ đó không còn nữa do ly hôn. Ví dụ như Điều 69 BLDS năm 2015 hướng dẫn xác định người quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích theo Điều 65 Bộ luật này, trong đó, đối với tài sản do vợ hoặc chồng đang quản lý thì vợ hoặc chồng tiếp tục quản lý, trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích ly hôn thì tài sản của người mất tích được giao cho con thành niên hoặc cha, mẹ của người mất tích quản lý, nếu không có những người này thì giao cho người thân thích của người mất tích quản lý, nếu không có người thân thích thì Tòa án chỉ định người khác quản lý tài sản. Nghĩa là, khi vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích được giải quyết ly hôn thì mặc nhiên người này không còn là người quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích và tài sản sẽ được chuyển giao cho người khác quản lý. Tác giả cho rằng nên áp dụng tương tự quan điểm này trong tình huống ly hôn theo yêu cầu của vợ, chồng là người đại diện theo pháp luật của bên yếu thế về NLHV dân sự.

2. Ly hôn theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích khác của vợ hoặc chồng là người được đại diện cho người còn lại

Các quy định trong Hiến pháp, BLDS và Luật HNGĐ khẳng định quyền kết hôn, ly hôn là quyền của mỗi cá nhân. Nếu một trong những điều kiện kết hôn là “không bị mất NLHV dân sự”¹⁴ thì việc ly hôn không đặt ra yêu cầu đối với NLHV dân sự của vợ, chồng. Ngay cả trong trường hợp một bên không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình thì vẫn có thể ly hôn và được hỗ trợ để ly hôn theo các quy định của luật.

2.1. Điều kiện để cha, mẹ, người thân thích khác yêu cầu giải quyết ly hôn

Tranh chấp về ly hôn với đặc thù là giải quyết mối quan hệ tình cảm giữa vợ, chồng, tình cảm gắn liền với nhân thân, chỉ những người trong cuộc mới có thể hiểu và quyết định việc tiếp tục duy trì hay chấm dứt tình cảm của mình mà không ai có thể thay thế được.¹⁵ Vì vậy, về nguyên tắc, vợ, chồng phải tự mình thực hiện quyền yêu cầu ly hôn mà không thể ủy quyền cho người khác thực hiện thay. Khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 và khoản 4 Điều 85 Bộ luật TTDS năm 2015 đều thống nhất quan điểm này, khẳng định rằng vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và đối với việc ly hôn, đương sự không được ủy quyền cho người khác thay mặt mình tham gia tố tụng.

Trường hợp ngoại lệ là một bên vợ hoặc chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của

14 Điều c khoản 1 Điều 8 Luật HNGĐ năm 2014.

15 Học viện Tư pháp, *tlđđ*, tr. 429-430.

mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng hoặc vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ thì cha, mẹ, người thân thích khác của người này có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014. Nếu chứng minh được thực tế có việc chồng, vợ có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của người không thể nhận thức, làm chủ được hành vi thì Tòa án giải quyết cho ly hôn.¹⁶ Quy định này không bắt buộc người được yêu cầu ly hôn phải là người đã bị Tòa án ra quyết định tuyên mất NLHV dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế NLHV dân sự. Nói cách khác, dù chưa chính thức trải qua thủ tục tư pháp dẫn đến không có NLHV dân sự đầy đủ về mặt pháp luật thì những người không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình trên thực tế vẫn được người khác hỗ trợ trong việc thực hiện quyền yêu cầu ly hôn. Đây là điểm mới của Luật HNGĐ năm 2014 so với Luật HNGĐ năm 2000 giúp “giải thoát” cho nạn nhân là vợ hoặc chồng khi cuộc hôn nhân đã không còn ý nghĩa với họ nữa nhưng họ lại không thể tự mình thực hiện quyền yêu cầu ly hôn do bệnh tật trầm trọng đến mức không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi.¹⁷

Ngược lại, không phải mọi trường hợp một bên vợ hoặc chồng có yếu thế về NLHV dân sự do bị Tòa án tuyên đều có thể yêu cầu ly hôn thông qua sự đại diện của cha, mẹ, người thân thích khác. Điều kiện luật đặt ra là một bên vợ, chồng “bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình”. Trong tình huống này, trường hợp người mất NLHV dân sự sẽ luôn đáp ứng điều kiện “bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình”, còn trường hợp người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được cho là “do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất NLHV dân sự”. Thiết nghĩ, yêu cầu về tình trạng “không thể nhận thức, làm chủ được hành vi” tại khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 chỉ giới hạn trong phạm vi nhận thức về việc cần thiết ly hôn và làm chủ hành vi để ly hôn, không ảnh hưởng các vấn đề về NLHV dân sự nói chung. Như vậy, nếu khi tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, Tòa án xác định người này không có năng lực về ly hôn thì thỏa mãn điều kiện nói trên; ngược lại, trong trường hợp Tòa án xác định người này vẫn có thể tự làm chủ trong một số khía cạnh đời sống, bao gồm vấn đề ly hôn, thì người này cần tự mình yêu cầu giải quyết ly hôn và chủ thể thứ ba không được can thiệp. Khoản 3 Điều 69 Bộ luật TTDS năm 2015 cũng hướng dẫn xác định

¹⁶ Khoản 3 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

¹⁷ Nguyễn Hữu Phước, Lạc Thị Tú Duy, *Ly hôn gặp khó biết hỏi ai*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2020, tr. 85.

NLHV TTDS của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo quyết định của Tòa án. Việc xác định người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi được và không được làm gì thường thể hiện thông qua phạm vi quyền, nghĩa vụ của người giám hộ.

Đơn cử như trong một vụ việc, theo Quyết định số 08/2023/QĐST-VDS ngày 22/5/2023 của TAND huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, ông Châu Văn L là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, vợ ông L – bà Võ Thị B – được xác định là người giám hộ cho ông L. Tòa án tuyên bà Võ Thị B có quyền, nghĩa vụ khi là người giám hộ như sau: Chăm sóc, bảo đảm việc điều trị bệnh cho người được giám hộ; Quản lý tài sản và được thanh toán các chi phí hợp lý cho việc quản lý tài sản; Được sử dụng tài sản của người được giám hộ để chăm sóc, chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu của người được giám hộ; Đại diện cho người được giám hộ trong việc xác lập, thực hiện giao dịch dân sự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ. Trong vụ việc này, vợ của người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người giám hộ và có quyền, nghĩa vụ đại diện cho chồng trong việc thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật, không giới hạn số lượng quyền cụ thể. Với Quyết định trên, ông L bị xem như không có khả năng tự mình thực hiện các quyền tố tụng, bao gồm quyền yêu cầu ly hôn nên nếu ông bị bà B bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần thì cha, mẹ, người thân thích khác của ông L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Riêng nhóm người bị hạn chế NLHV dân sự thì họ chủ yếu bị hạn chế về các quyền liên quan đến tài sản, trong khi quyền ly hôn là một dạng quyền nhân thân. Khoản 3 Điều 24 Luật HNGĐ năm 2014 cũng ghi nhận những quyền, nghĩa vụ pháp luật quy định cá nhân phải tự mình thực hiện vẫn áp dụng cho người bị hạn chế NLHV dân sự nên người này không được yêu cầu sự trợ giúp từ người khác, trong đó có quyền yêu cầu ly hôn. Xét điều kiện tại khoản 2 Điều 51 Luật này, người bị hạn chế NLHV dân sự cũng không rơi vào tình trạng “bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình”. Có thể thấy, mặc dù là một chủ thể yếu thế về NLHV dân sự nhưng người bị hạn chế NLHV dân sự vẫn phải tự mình thực hiện quyền ly hôn.

Như đã trình bày, khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 nhấn mạnh năng lực nhận thức, làm chủ hành vi thực tế trong vấn đề ly hôn, bất kể người này đã bị Tòa án tuyên bố mất NHVL dân sự hay có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hay chưa. Mặc dù vậy, việc cho phép chủ thể thứ ba yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là vấn đề quan trọng khi một bên yếu thế về NLHV dân sự và bên còn lại là người đại diện theo pháp luật. Người vợ, người chồng giám hộ vốn là người đại diện thực hiện các quyền

theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người được giám hộ, ảnh hưởng gần như toàn bộ cuộc sống vật chất cũng như tinh thần của người được giám hộ. Không loại trừ trường hợp người giám hộ lợi dụng ưu thế của mình để xâm phạm quyền lợi của người được giám hộ, trong khi cơ chế giám sát việc giám hộ không phải lúc nào cũng hoạt động hiệu quả. Khi cha, mẹ, người thân thích khác của người mất NLHV dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi phát hiện người giám hộ có hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của người được giám hộ thì việc ghi nhận quy định thay mặt người này yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, dù lúc đó họ đang có người khác là đại diện theo pháp luật là hợp lý.

2.2. Hệ quả pháp lý về quan hệ đại diện khi ly hôn theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích khác của vợ, chồng là người được đại diện

2.2.1. Thay đổi người đại diện theo pháp luật để giải quyết việc ly hôn

Theo Điều 87 Bộ luật TTDS năm 2015, người đại diện theo pháp luật cũng là đương sự trong cùng một vụ việc với người được đại diện mà quyền và lợi ích hợp pháp của họ đối lập với quyền và lợi ích hợp pháp của người được đại diện thì không được làm người đại diện theo pháp luật. Tuy nhiên, ở Luật HNGĐ năm 2014 không nói rõ về trường hợp ly hôn theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích khác của vợ, chồng là người được đại diện thì không thể duy trì quan hệ đại diện cho người mất NLHV dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Hôn nữa, lý do ly hôn lúc này là vợ, chồng đại diện có hành vi bạo lực gia đình gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của người được đại diện. Do đó, tác giả cho rằng trường hợp ly hôn theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích khác của vợ, chồng là người được đại diện, nên thay đổi người đại diện theo pháp luật. Trong pháp luật TTDS giải quyết tình huống này theo hướng ai yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì họ là người đại diện.¹⁸ Như vậy, cha, mẹ, người thân thích khác sẽ đại diện cho vợ hoặc chồng mất NLHV dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự để giải quyết việc ly hôn với bên còn lại.

Có thể thấy sự khác biệt về thay đổi người đại diện theo pháp luật để giải quyết việc ly hôn trong hai trường hợp đơn phương ly hôn: (i) Nếu người đại diện yêu cầu ly hôn thì việc xác định lại đại diện cho bên kia sẽ thực hiện theo thứ tự giám hộ được quy định trong BLDS năm 2015, cụ thể là con của người mất NLHV dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự, không có con hoặc con không đủ điều kiện làm giám hộ mới xét đến cha, mẹ¹⁹; (ii) Ngược lại, nếu yêu cầu ly hôn xuất phát

18 Khoản 4 Điều 85 Bộ luật TTDS năm 2015.

19 Điều 53 BLDS năm 2015.

từ phía người được đại diện thì người đại diện thay thế có thể thuộc nhóm người giám hộ có thứ tự ưu tiên thấp, hoặc thậm chí không nằm trong diện người giám hộ đương nhiên. Cụ thể, cha hoặc mẹ hoặc người thân thích khác đưa ra yêu cầu ly hôn sẽ là đại diện của bên mất NLHV dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự. Thuật ngữ “người thân thích” được giải thích tại Điều 4 Luật HNGĐ năm 2014 là “người có quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng, người có cùng dòng máu về trực hệ và người có họ trong phạm vi ba đời”, trong đó “những người cùng dòng máu về trực hệ là những người có quan hệ huyết thống, trong đó, người này sinh ra người kia kế tiếp nhau”, còn “những người có họ trong phạm vi ba đời là những người cùng một gốc sinh ra gồm cha mẹ là đời thứ nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba”. Một số văn bản khác cũng đề cập thuật ngữ người thân thích, như BLDS năm 2015 liệt kê chi tiết danh sách người thân thích tại khoản 1 Điều 54, bao gồm vợ, chồng, cha, mẹ, con; ông, bà, anh ruột, chị ruột, em ruột; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột. Vậy nếu người mất NLHV dân sự được cha hoặc mẹ yêu cầu Tòa án cho ly hôn theo khoản 2 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 thì cha, mẹ là đại diện theo pháp luật trong phiên tòa giải quyết việc ly hôn, dù con của người này có thứ tự ưu tiên làm giám hộ cao hơn. Hoặc anh, chị, em của người mất NLHV dân sự yêu cầu ly hôn thay người này thì trở thành đại diện theo pháp luật để giải quyết việc ly hôn, trong khi anh, chị, em không nằm trong danh sách người giám hộ đương nhiên tại Điều 53 BLDS năm 2015. Tuy nhiên, cần lưu ý là người này chỉ đại diện theo pháp luật cho bên mất NLHV dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự trong phạm vi phiên tòa giải quyết việc ly hôn. Người tiếp nhận công việc đại diện theo pháp luật lâu dài (thông qua vai trò giám hộ) sẽ được xác định theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 60 BLDS năm 2015, và lúc này, người con nếu đủ điều kiện làm giám hộ sẽ trở thành giám hộ cho cha hoặc mẹ của mình.

2.2.2. Chấm dứt quan hệ đại diện với bên yếu thế về năng lực hành vi dân sự

Để cha, mẹ, người thân thích khác của người mất NLHV dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi đưa ra yêu cầu ly hôn thì bên cạnh điều kiện về khả năng nhận thức, làm chủ hành vi của người vợ, người chồng, người này còn phải là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần. Hành vi bạo lực gia đình làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần là căn cứ cho thấy người giám hộ đã không còn đủ các điều kiện của cá nhân làm người giám hộ, đồng thời vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ giám hộ, thuộc trường hợp thay đổi người giám hộ

quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 60 BLDS năm 2015. Pháp luật dân sự phân biệt hai tình huống: (i) thay đổi người giám hộ và chấm dứt việc giám hộ, nhưng thật ra sự khác biệt này chủ yếu có ý nghĩa với người được giám hộ; (ii) đối với người giám hộ, dẫn đến hệ quả là quan hệ giám hộ chấm dứt, kéo theo chấm dứt quan hệ đại diện theo pháp luật.

Các quy định về ly hôn khi một bên không có NLHV dân sự đầy đủ điều chỉnh cả trường hợp vợ, chồng đã bị Tòa án tuyên bố một cách chính thức về tình trạng mất NLHV dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi dân sự và trường hợp tuy chưa có quyết định có hiệu lực của Tòa nhưng thực tế một bên đã không còn khả năng nhận thức, làm chủ hành vi. Pháp luật hiện hành hướng đến bảo vệ bên yếu thế trong hôn nhân do không thể nhận thức, làm chủ hành vi một cách hoàn toàn, đồng thời cũng đảm bảo quyền lợi chính đáng của bên còn lại trong việc mưu cầu hạnh phúc. Tuy nhiên, một số quy định của luật chưa thật sự rõ ràng, cần được giải thích minh bạch hơn, bên cạnh đó, cần thiết bổ sung, hoàn thiện pháp luật HNGĐ phù hợp với những quy định mới về chủ thể trong pháp luật dân sự nói chung. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Ngọc Điện, *Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, Tập 1 – Gia đình*, Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 2002 [Nguyen Ngoc Dien, *Scientific commentary on Vietnam's Marriage and Family Law, Volume 1 – Family*, Ho Chi Minh City Youth Publishing House, 2002]
- [2] Nguyễn Ngọc Điện, *Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2010 [trans: Nguyen Ngoc Dien, *Subject of civil legal relations*, National Political Publishing House, 2010]
- [3] Học viện Tư pháp, *Giáo trình Kỹ năng chuyên sâu của Luật sư trong việc giải quyết các vụ án dân sự*, Nxb. Tư pháp, 2021 [Judicial Academy, *Textbook on In-depth Skills for Lawyers in Resolving Civil Cases*, Judicial Publishing House, 2021]
- [4] Nguyễn Hữu Phước, Lạc Thị Tú Duy, *Ly hôn gặp khó biết hỏi ai*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2020 [Nguyen Huu Phuoc, Lac Thi Tu Duy, *Ask whom when facing difficult ties in divorce*, Ho Chi Minh City General Publishing House, 2020]
- [5] Đinh Thị Mai Phương, *Bình luận khoa học Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2004, [Dinh Thi Mai Phuong, *Scientific commentary on Vietnam's Marriage and Family Law 2000*, National Political Publishing House, 2004]
- [6] Nguyễn Văn Tiến, Lê Vinh Châu, Trần Thị Hương, *Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam – 130 câu hỏi và tình huống, Văn bản pháp luật áp dụng*, TP. Hồ Chí Minh, 2005 [Nguyen Van Tien, Le Vinh Chau, Tran Thi Huong, *Vietnam's Marriage and Family Law – 130 questions and situations, Applicable legal documents*, Ho Chi Minh City, 2005]
- [7] Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Dân sự (Tập 1)*, Nxb. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2016 [Ho Chi Minh City Open University, *Civil Law Textbook (Vol. 1)*, Vietnam National University Ho Chi Minh City Press, 2016]
- [8] Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, *Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình – Quan hệ tài sản vợ chồng, thừa kế (Tập 2)*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2021 [Ho Chi Minh City Open University, *Textbook of Marriage and Family Law - Spousal property relations and inheritance (Vol. 2)*, Vietnam National University Ho Chi Minh City Press, 2021]